

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 06/4/2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Tiên

Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm tranh chấp vụ án thụ lý số: **65/2020/TLST-HNGĐ** ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **56/2021/QĐXXST- HNGĐ**, ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H** - Sinh năm 1987. Địa chỉ: Số nhà 77, tổ dân phố 8, phường N B, thành phố Đ b P, tỉnh Đ. Chỗ ở hiện nay: Ở tập thể trường Mầm Non H T, xã P N, huyện Đ B Đ, tỉnh Đ(Có mặt tại phiên tòa).

* Bị đơn: Anh **Lê N Đ**- Sinh năm 1983. Địa chỉ: Số nhà 77, tổ dân phố 8, phường N B, thành phố Đ b P, tỉnh Đ (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị Hà Thị H và anh Lê N Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Làng Mỏ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, vào năm 2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H và anh Đ không đồng nhất quan điểm sống hay cãi nhau do nhiều nguyên nhân, nguyên

nhân chủ yếu là do phía nhà chồng, đỉnh điểm vào tháng 10/2020 mâu thuẫn giữa chị H với chị gái anh Đ, chị gái anh Đ đã xúc phạm và đuổi chị H ra khỏi nhà dẫn đến chị H bị sảy thai, những lúc mâu thuẫn anh Đ đã không bảo vệ được chị H, đến nay mâu thuẫn của chị H với gia đình nhà chồng không thể giải quyết. Chị H và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 11/2020 cho tới nay. Khi vợ chồng sống ly thân chị H nhiều lần liên lạc với anh Đ nhưng không được, các chị gái của anh Đ thường xuyên gọi điện thoại xúc phạm chị H, anh Đ cũng không bảo vệ được chị H, anh Đ cũng không còn quan tâm đến chị H. Nay chị H xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, luôn mang lại đau khổ cho nhau. Chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Tôi và anh Lê N Đ có 01 con chung là cháu Lê B C - Sinh ngày 01/4/2011. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có

*** Tại bản tự khai ngày 08/01/2021 bị đơn anh Lê N Đ trình bày:**

1. Về hôn nhân: Tôi nhất trí với phần trình bày kết hôn ban đầu như cô H trình bày ở trên. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H có mâu thuẫn với chị gái anh Đ và chị gái anh Đ đã đuổi chị H ra khỏi nhà dẫn đến chị H sảy thai từ tháng 11/2020 cho tới nay. Lúc đó do anh Đ không có hướng giải quyết bất lực không dám đứng ra đối mặt với sự thật và anh Đ cũng không bảo vệ được cô H và con dẫn đến vợ con phải ly tán, anh Đ không giữ được hạnh phúc gia đình. Anh Đ mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng anh Đ về đoàn tụ, vì anh Đ vẫn yêu chị H và thương con. Anh Đ không nhất trí ly hôn. Bản thân anh Đ cũng đã đi thuê nhà ở và mong muốn chị H về ở cùng.

2. Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Lê B C - Sinh ngày 01/4/2011. Nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Đ đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 3.000.000 đồng/ 1 tháng cấp dưỡng đến đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng theo tháng.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung: Không có;

4. Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có

Tại phiên tòa chị Hà Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm. Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 15/12/2020 chị Hà Thị H nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với anh Lê N Đ có địa chỉ tại số nhà 77, tổ dân phố 08, phường N B, thành phố Đ b P, tỉnh Đ. Ngày 21/12/2020 chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Hà Thị H và anh Lê N Đ có nơi đăng ký NKTT tại số nhà 77, tổ dân phố 08, phường N B, thành phố Đ b P, tỉnh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS. Tại phiên tòa anh Lê N Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Lê N Đ kết hôn ngày 29/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Làng Mò, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh Đ đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị H và anh Đ đã phát sinh vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do các chị gái của anh Đ đã chửi, xúc phạm chị H và đuổi chị H ra khỏi nhà dẫn đến chị H sảy thai, bản thân anh Đ không bảo vệ được vợ con. Do anh Đ không có quan điểm sống nhu nhược, chị H không còn tin tưởng vào anh Đ, chị H và anh Đ hay cãi nhau. Chị H và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 11/2020 cho tới nay. Khi vợ chồng sống ly thân anh Đ không quan tâm đến chị H. Nay chị H xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, luôn mang lại đau khổ cho nhau. Chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Về phía anh Đ cũng công nhận anh Đ và chị H đã sống ly thân, bản thân anh Đ như nhược không bảo vệ được chị H và con, tại buổi hòa giải lần 1 và các chứng cứ anh Đ mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng sau khi ly thân anh Đ không quan tâm đến chị H và chị gái anh Đ vẫn gọi điện xúc phạm chị H. Ngày 09/3/2021 chị H có đơn đề nghị và có xác nhận về tình trạng hôn nhân tại UBND phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ cũng đã xác nhận về tình trạng hôn nhân của chị H và anh Đ. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo quyền lợi của chị H khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy cần xử cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Lê N Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Xét về con chung: Đơn khởi kiện ngày 15/12/2020 chị Hà Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Lê B C, sinh ngày 01/4/2011, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Chị H đưa ra căn cứ chị làm giáo viên Trường Mầm Non Háng Trợ, xã Pu Nhi, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, chị được nhà trường cấp cho nhà tập thể để ở, ổn định đảm bảo cuộc sống cho cháu Châm được ăn học. Trước đây chị nhờ mẹ đẻ chăm sóc nay chị đã ra Trường trung tâm dạy học và lương tháng ổn định hơn 10.824.874 đồng/1 tháng đảm bảo ổn định đủ điều kiện chăm sóc nuôi dạy cho con chung. Chị H cũng cho rằng cháu Châm là con gái, chị làm giáo viên nên có điều kiện để nuôi cháu Châm.

Tại các buổi hòa giải anh Đ cũng có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 3.000.000 đồng/ 1 tháng cấp dưỡng đến đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng theo tháng. Anh Đ không cung cấp được thu nhập để bảo đảm việc nuôi cháu Châm.

Ngày 29/3/2021 cháu Lê B C đã có bản tự khai, nguyện vọng của cháu muốn ở với chị Hà Thị H.

Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị H là có căn cứ, do vậy HĐXX chấp nhận giao con chung là cháu Lê B C, sinh ngày 01/4/2011 cho chị Hà Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên việc cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Xét về tài sản:

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy: Không có.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn với anh Lê Ngọc Đ.

2. Về con chung: Chị Hà Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê B C, sinh ngày 01/4/2011, cho đến khi cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có

5. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hà Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2020/ 0000430 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Hà Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 06/4/2021. Anh Lê N Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Làng Mò, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Oanh

Lò Văn Tiên

Trần Thị Thương Huyền

